

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA:

1. Vốn chủ sở hữu: 267.727.559.717 đồng

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 1.701.207.837 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 321.344.026.590 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 11.026.351.880 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{13.759.218.859}{256.701.207.837} = 5,36\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0536 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{11.026.351.880}{256.701.207.837} = 4,29\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0429 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{11.026.351.880}{318.235.854.072} = 3,46\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0346 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{256.701.207.837 + 256.701.207.837}{2} = 256.701.207.837 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{315.127.681.554 + 321.344.026.590}{2} = 318.235.854.072 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA:

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A):

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật.



Handwritten signature

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu đến ngày 30/6/2018 là: 24.248.246.480 đồng.

Trong đó:

- * Nợ phải thu khó đòi: 5.499.236.106 đồng.
- * Đã trích lập dự phòng: 4.474.488.978 đồng.
- * Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 60.062.690 đồng

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

* Tổng số nợ phải trả đến ngày 30/6/2018 là: 53.616.466.873 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

* Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{134.622.186.146}{40.609.413.417} = 3,31$$

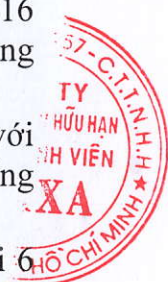
$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{134.622.186.146 - 10.541.824.004}{40.609.413.417} = 3,05 \end{aligned}$$

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{53.616.466.873}{267.727.559.717} = 20,02\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C):

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: 6 tháng năm 2018 đạt 10.856 triệu trang in đạt 48,25% kế hoạch năm 2018, giảm 9,09% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 1.086 triệu trang in và tăng 4,88% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 505 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng năm 2018 là 77.149 triệu đồng đạt 49,55% kế hoạch năm 2018, giảm 6,38% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 5.257 triệu đồng, tăng 9,19% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 6.491 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán 6 tháng năm 2018 là 52.618 triệu đồng, giảm 5,57% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 3.103 triệu đồng, tăng 8,16% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 3.969 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng 6 tháng năm 2018 là 84 triệu đồng, giảm 23,64% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 26 triệu đồng, tăng 13,51% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 10 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2018 là 25.687 triệu đồng, tăng 22,12% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 4.652 triệu đồng, tăng 17,58% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 3.841 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng năm 2018 là 12.037 triệu đồng đạt 77,71% kế hoạch năm 2018, tăng 146,21% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 7.148 triệu đồng, tăng 29,19% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 2.720 triệu đồng.
 - Thu nhập khác 6 tháng năm 2018 là 4.806 triệu đồng đạt 54,61% kế hoạch năm 2018, tăng 55,13% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 1.708 triệu đồng, tăng 39,59% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 1.363 triệu đồng.
 - Chi phí khác 6 tháng năm 2018 là 1.819 triệu đồng, giảm 3,35% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 63 triệu đồng, tăng 31,05% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 431 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế 6 tháng năm 2018 là 13.759 triệu đồng, đạt 59,31% kế hoạch năm 2018, tăng 18,15% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 2.114 triệu đồng, tăng 20,05% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 2.298 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2018 đạt 11.026 triệu đồng, đạt 58,96% kế hoạch năm 2018, tăng 16,41% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 1.554 triệu đồng, tăng 19,74% so với 6 tháng năm 2017 tương đương 1.818 triệu đồng.
3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
 - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 5,36%



- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 4,29%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 3,46%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng năm 2018:
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
 - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ):

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Không

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Châu Phúc

Handwritten signature

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Thực hiện đến ngày 30/06/2018			Giải ngân đến ngày 30/06/2018 (triệu đồng)		Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2018	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2018	
1			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
1																		
B Các nhóm dự án B																		
1																		
C Các nhóm dự án khác																		
1	Đầu tư máy móc trang thiết bị nâng cao năng lực sản xuất của Nhà in TT.XVN giai đoạn 2017-2018	15/QĐ-HDTV ngày 18/08/2017	65.400	65.400				15 tháng							1.580	5.118	6.698	

Hội đồng thành viên
 CÔNG TY (Ký, đóng dấu)
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
 ITAXA
 QUẬN 3 - TP. HCM
 Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
 (Ký)
 Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
 (Ký)
 Đặng Thị Ngọc Hiền

Giám đốc
 CÔNG TY (Ký, đóng dấu)
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
 ITAXA
 QUẬN 3 - TP. HCM
 Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư				Vốn Điều lệ công ty con, công ty liên kết	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cả tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, Cty liên kết			
		Giá trị vốn góp Năm 2017	Tại thời điểm 30/06/2018	Kế hoạch	Tỷ lệ vốn góp (%) Năm 2017			6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2018	6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2018							
I	Đầu tư vào công ty con - Công ty CP Địa Sinh	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17	
			22.785	22.785		72,09%	72,09%	27.400	31.605	22.128	25.407	1.261	1.046				2,09	0,44
II	Đầu tư vào công ty liên kết																	
III	Đầu tư lại công ty khác																	

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
 M.S.D.N: 0300142457
 TP. HỒ CHÍ MINH
 Hội đồng thành viên
 (Ký, đóng dấu)
 Nguyễn Châu Phước

Người lập biên
 (Ký)
 Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
 (Ký)
 Đặng Thị Ngọc Hiếu

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
 M.S.D.N: 0300142457
 TP. HỒ CHÍ MINH
 Giám đốc
 (Ký, đóng dấu)
 Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2017	Thực hiện 6 tháng năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)			
			Kế hoạch năm	Thực hiện	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2017	Kế hoạch năm	
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3	
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh								
1. Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	11.942	10.351	22.500	10.856	90,91%	104,88%	48,25%	
2. Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	11.942	10.351	22.500	10.856	90,91%	104,88%	48,25%	
3. Tồn kho cuối kỳ								
B. Chỉ tiêu tài chính								
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.406	70.658	155.710	77.149	93,62%	109,19%	49,55%	
2. Giá vốn bán hàng	55.721	48.649		52.618	94,43%	108,16%		
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.685	22.009		24.531	91,93%	111,46%		
4. Doanh thu hoạt động tài chính	4.889	9.317	15.490	12.037	246,21%	129,19%	77,71%	
5. Chi phí tài chính	0	0		25	100,00%	100,00%		
6. Chi phí bán hàng	110	74		84	76,36%	113,51%		
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.035	21.846		25.687	122,12%	117,58%		
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.429	9.406		10.772	103,29%	114,52%		
9. Thu nhập khác	3.098	3.443	8.800	4.806	155,13%	139,59%	54,61%	
10. Chi phí khác	1.882	1.388		1.819	96,65%	131,05%		
11. Lợi nhuận khác	1.216	2.055		2.987	245,64%	145,35%		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.645	11.461	23.200	13.759	118,15%	120,05%	59,31%	
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.173	2.253		2.733	125,77%	121,30%		
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại								
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.472	9.208	18.700	11.026	116,41%	119,74%	58,96%	

Hội đồng thành viên

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu

(Ký)

Trần Ngọc Thành

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng

(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	2.732.109.648	9.264.260.045	11.046.744.023	949.625.670
- Thuế GTGT	608.431.835	3.308.905.449	4.908.976.926	(991.639.642)
- Thuế TNDN	779.860.969	2.732.866.979	1.393.429.071	2.119.298.877
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	335.983.237	(335.983.237)
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	1.343.816.844	3.222.487.617	4.408.354.789	157.949.672
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	886.269.387		886.269.387	-

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	1.701.207.837			1.701.207.837
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.602.204.575	2.420.000	12.697.980.500	9.906.644.075
3. Quỹ thưởng VCQLDN	421.832.125		313.598.000	108.234.125
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú: Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ 2.420.000đ là tiền thưởng nhận bằng khen của UBND TP.HCM.

Hội đồng thành viên
(Ký)Người lập biểu
(Ký)Kế toán trưởng
(Ký)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiền

Nguyễn Đức Trọng